

MỘT SỐ BIẾN ĐỔI TRONG QUAN HỆ ỨNG XỬ VÀ SỬ DỤNG THỜI GIAN của người dân vùng chuyển đổi từ xã lên phường

(Nghiên cứu trường hợp tại phường Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội)

Nguyễn Đình Tuấn*

Quá trình đô thị hoá ở nước ta trong những năm gần đây diễn ra khá nhanh chóng đã làm cho nhiều vùng vốn là làng, xã nhanh chóng trở thành phố, phường. Chuyển đổi từ xã thành phường cũng có nghĩa là chuyển đổi từ nông thôn lên thành thị, chuyển đổi từ hoạt động nông nghiệp là chủ yếu sang hoạt động phi nông nghiệp... Sự chuyển đổi này không đơn thuần về mặt hành chính mà còn là sự chuyển đổi của nhiều mặt khác nhau trong đời sống kinh tế - xã hội, trong đó có lối sống. Trên cơ sở tìm hiểu những biến đổi trong lối sống của người dân vùng chuyển đổi từ xã lên phường, bài viết đi vào phân tích một số biến đổi trong quan hệ ứng xử và sử dụng quỹ thời gian của người dân vùng chuyển đổi từ xã lên phường.

MỞ ĐẦU

Song song với quá trình phát triển mạnh mẽ của công nghiệp hoá ở nước ta trong những năm qua thì quá trình đô thị hoá cũng diễn ra một cách khá nhanh chóng. Điều này thể hiện rõ ở tốc độ tăng dân số đô thị trong những năm qua. Năm 1990 dân số đô thị chiếm 19,51%; năm 1995 tăng lên 20,75%; năm 2000 tăng lên 24,18% và đến năm 2003 dân số đô thị tăng lên 25,80%¹. Đô thị hóa diễn ra dẫn đến sự thay trong nhiều lĩnh vực: đời sống kinh tế, phân bố lực lượng sản xuất, phân bố dân cư, cơ cấu nghề nghiệp, lối sống, văn hóa... Nhìn từ mỗi góc độ khác nhau thì quá trình đô thị hoá mang lại những màu sắc khác nhau. Nếu nhìn đô thị hoá từ góc độ sinh thái nhân văn, thì đó chính là quá trình làm thay

đổi trong lối sống, cảnh quan, không gian sống của một hệ thống quần cư từ nông thôn sang đô thị. Từ góc độ kinh tế thì đô thị hóa được coi là sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế từ hoạt động nông nghiệp sang hoạt động phi nông nghiệp. Còn nhìn từ góc độ văn hóa thì đô thị hóa là quá trình chuyển đổi văn hóa nông thôn sang văn hóa đô thị.

Trong bài viết này, chúng tôi tập trung phân tích một số thay đổi trong quan hệ ứng xử và sử dụng thời gian của người dân vùng chuyển đổi từ xã lên phường, nghiên cứu cụ thể ở đây là phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội (Nhân Chính được chuyển từ xã lên phường vào năm 1997). Đây là một phần kết quả nghiên cứu của đề tài cấp Viện "Đô thị hoá và biến đổi văn hoá: Nghiên cứu văn hoá - lối sống của người dân vùng chuyển đổi từ xã lên phường"². Những kết quả nghiên cứu được

* Viện Nghiên cứu Con người.

¹ Trích theo sách: *Đời sống văn hoá đô thị và khu công nghiệp Việt Nam*, Nxb. Văn hoá - Thông tin, Hà Nội 2005, tr.16.

² Phương pháp nghiên cứu và mẫu nghiên cứu xin xem thêm tại báo cáo đề tài: *Đô thị hoá và biến đổi*

so sánh với thời gian trước khi được chuyển lên phường.

Trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá việc mở rộng và phát triển các khu đô thị là điều tất yếu, đặc biệt tại Hà Nội - nơi diễn ra quá trình công nghiệp hoá mạnh mẽ. Đô thị hoá thường diễn ra theo hai hướng chủ yếu, thứ nhất là theo hướng tự phát và thứ hai là theo hướng quy hoạch. Đô thị hoá dù diễn ra theo hướng nào đi chăng nữa thì những vùng đô thị hoá cũng có những biến đổi nhất định, mà trong đó biến đổi lối sống được thể hiện khá rõ nét.

1. Biến đổi trong quan hệ ứng xử

Quan hệ thân thiện hàng xóm láng giềng là một truyền thống văn hoá tốt đẹp của người dân Việt Nam, thể hiện tính gắn kết cộng đồng của người Việt. Tính cộng đồng đặc biệt được thể hiện trong quan hệ làng xã, ở đó các thành viên có sự liên kết với nhau, mỗi thành viên đều hướng tới những thành viên khác và tới tập thể. Truyền thống tốt đẹp đó đã được nhiều thế hệ người Việt Nam gìn giữ và phát huy. Đặc biệt trong các cuộc kháng chiến chống giặc ngoại xâm, truyền thống đó đã tạo thành một sức mạnh dân tộc hết sức to lớn. Còn trong giai đoạn hiện nay, khi mà quá trình đô thị hoá đang diễn ra một cách mạnh mẽ thì truyền thống đó cũng chịu sự ảnh hưởng nhất định. Khi hỏi người dân về quan hệ hàng xóm láng giềng hiện nay so với trước khi chuyển đổi lên phường chúng tôi thu được kết quả như sau: số người trả lời "tốt hơn" chiếm tỷ lệ thấp nhất 10,7% (16/150), trong khi đó số người cho rằng quan hệ này kém hơn chiếm tỷ lệ cao nhất 51,3% (77/150), số người trả lời không

thay đổi là 38% (57/150). Có thể thấy tỷ lệ những người tham gia trả lời đánh giá mối quan hệ này kém đi cao gấp 5 lần so với những người đánh giá tốt hơn.

Nhằm làm rõ thêm đánh giá của người dân về quan hệ hàng xóm láng giềng hiện nay, chúng tôi đã đưa ra hai quan niệm "bán anh em xa mua láng giềng gần" và "hàng xóm tối lửa tắt đèn có nhau" để những người tham gia trả lời đánh giá. Với quan niệm "bán anh em xa mua láng giềng gần", chỉ có 18,7% số người tham gia trả lời cho rằng quan niệm đó vẫn còn đúng trong xã hội hiện nay, 74,0% cho rằng gần đúng và 7,3% cho rằng quan niệm đó hiện nay không còn đúng. Còn với quan niệm "hàng xóm tối lửa tắt đèn có nhau", 37,3% cho rằng còn đúng và 62,7% trả lời gần đúng. Như vậy, có thể thấy quan hệ hàng xóm láng giềng ở những vùng đô thị hoá hiện nay đang có xu hướng kém chặt chẽ hơn.

Đô thị hoá diễn ra tất yếu dẫn đến hiện tượng di dân từ những vùng lân cận chuyển đến sinh sống. Sự đan xen giữa dân bản địa với dân nhập cư có ảnh hưởng nhất định đến quan hệ hàng xóm láng giềng vốn đã có từ trước.

Cùng với những thay đổi trong quan hệ hàng xóm láng giềng thì trong quan hệ ứng xử gia đình cũng đang có những thay đổi nhất định. Trong các mối quan hệ gia đình thì mối quan hệ vợ chồng được những người trả lời đánh giá là ít thay đổi nhất, có 24,0% số người tham gia trả lời cho rằng thân thiện hơn trước, 10,0% trả lời ít thân thiện hơn và 66,0% số người tham gia trả lời cho rằng không có thay đổi nhiều so với trước khi chuyển lên thành phường. Tiếp đến là mối quan hệ giữa bố mẹ và con cái, 5,4% số người tham gia trả lời "kém thân

văn hoá: Nghiên cứu văn hoá - lối sống của người dân vùng chuyển đổi từ xã lên phường lưu tại Viện Nghiên cứu Con người.

thiện hơn rất nhiều”, 5,4% trả lời “kém thân thiện hơn”, 61,5% trả lời “không thay đổi nhiều” và 27,7% trả lời quan hệ bố mẹ và con cái “thân thiện hơn”.

So với hai mối quan hệ trên thì mối quan hệ giữa ông bà và cháu có sự khác biệt rõ hơn. Không có người nào trong số những người tham gia trả lời cho rằng mối quan hệ giữa ông bà và cháu hiện nay “thân thiện hơn” so với trước khi chuyển lên thành phường. Đặc biệt có 12,9% trả lời “kém thân thiện hơn rất nhiều” và 24,2% “kém thân thiện hơn”.

Trong mối quan hệ giữa ông bà và các cháu việc chung sống cùng trong một mái nhà sẽ tạo nên mối quan hệ gần gũi và thân thiện hơn. Tuy nhiên, một thực tế cho thấy các gia đình đô thị hiện nay chủ yếu là gia đình hạt nhân do vậy, có thể thấy điều này ít nhiều có ảnh hưởng đến mối quan hệ này.

Cùng với mục đích tìm hiểu mối quan hệ trong gia đình của người dân vùng chuyển đổi, chúng tôi đặt câu hỏi liên quan đến mức độ các thành viên ngồi xem tivi cùng nhau. Đây cũng là một hình thức tạo nên không khí thân thiện và ấm cúng trong mỗi gia đình. Khi ngồi xem tivi cùng nhau các thành viên trong gia đình sẽ có sự trao đổi, tranh luận cùng nhau, qua đó sẽ tạo nên mối quan hệ thân thiết hơn giữa các thành viên trong gia đình.

Kết quả nghiên cứu cho thấy số người trả lời các thành viên trong gia đình “thường xuyên” ngồi xem tivi cùng nhau chiếm tỷ lệ không cao (24,7%), số người trả lời “thỉnh thoảng” chiếm tỷ lệ cao nhất (66,7%). Ngoài ra, còn có 7,3% số người tham gia trả lời cho rằng “hiếm khi” và 1,3% cho rằng “không bao giờ” mọi thành viên trong gia đình ngồi xem tivi cùng

nhau. Việc các thành viên trong gia đình có thường xuyên ngồi xem tivi cùng nhau hay không chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố, trong đó phải kể đến là yếu tố kinh tế. Khi điều kiện kinh tế gia đình trở lên khá giả, các gia đình thường mua sắm những tiện nghi sinh hoạt phục vụ tốt nhất cho cuộc sống gia đình. Trong số 150 người được hỏi đều cho biết gia đình có tivi màu để xem, trong đó, số hộ gia đình có một tivi là 66,7%, có hai tivi là 23,3%, có 3 tivi là 8,0% và có 4 tivi là 2,0%. Chúng tôi đã lấy tiêu chí này để xem số lượng tivi có trong mỗi gia đình có ảnh hưởng gì đến mức độ xem tivi cùng nhau của các thành viên trong gia đình hay không. Kết quả cho thấy những hộ gia đình có một hoặc hai tivi, khi được hỏi gia đình có thường xuyên xem tivi cùng nhau không? chủ yếu trả lời ở hai mức độ “thường xuyên” và “thỉnh thoảng”, không có ai trả lời là “hiếm khi” hay “không bao giờ”. Trong khi đó, những hộ gia đình có 3 tivi, 16,7% trả lời “thỉnh thoảng”, 83,3% trả lời “hiếm khi”, không có ai trả lời “thường xuyên” và “không bao giờ”. Điều đặc biệt là ở những hộ gia đình có bốn tivi, 33,3% trả lời “hiếm khi”, 66,7% trả lời “không bao giờ” và không có ai trả lời “thường xuyên” hay “thỉnh thoảng”. Qua kết quả nghiên cứu cho thấy, số lượng tivi trong mỗi hộ gia đình có ảnh hưởng đến mức độ xem tivi cùng nhau của các thành viên trong gia đình. Đây cũng là điểm khác biệt giữa nông thôn và thành thị. ở nông thôn thường thì mỗi nhà chỉ có một tivi và mọi thành viên trong gia đình cùng ngồi xem chung, còn ở đô thị khi có điều kiện kinh tế mỗi nhà thường sắm cho mỗi người hoặc mỗi thế hệ một tivi để tùy sự lựa chọn của mỗi cá nhân. Xét ở góc độ nào đó, nó là điều kiện tốt cho mỗi cá nhân

khi có quyền tự do lựa chọn chương trình mình yêu thích, còn ở góc độ quan hệ gia đình thì dường như nó ít nhiều tạo ra khoảng cách giữa các cá nhân trong gia đình.

2. Biến đổi trong sử dụng quỹ thời gian

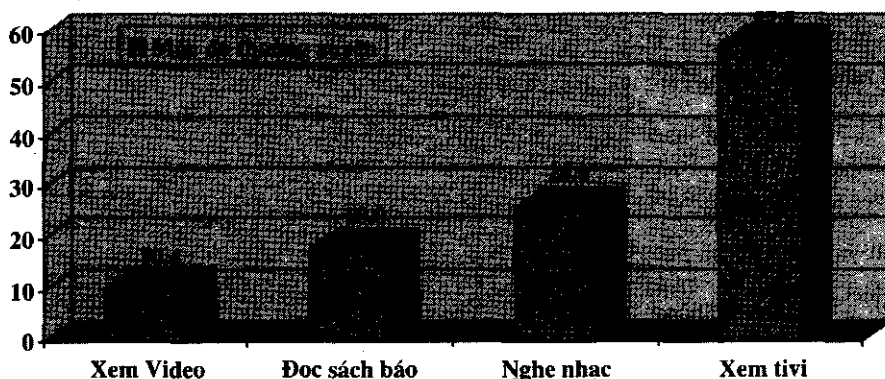
Những thay đổi trong cấu trúc xã hội và điều kiện sống của người dân vùng chuyển đổi từ xã lên phường tất yếu sẽ dẫn đến những thay đổi trong việc sử dụng quỹ thời gian.

Phân đông số người tham gia trả lời làm việc ngoài xã hội trên 8 tiếng, trong đó từ 8 đến 10 tiếng là 64,9%, trên 10 tiếng là 29,9%. Số người trả lời làm việc dưới 8 tiếng chiếm tỷ lệ rất thấp (5,2%). Khi công việc chiếm nhiều thời gian thì những công việc còn lại cũng ít nhiều bị ảnh hưởng. Thời gian dành cho việc ngủ của những người được khảo sát cho thấy 56,8% ngủ dưới 7 tiếng một ngày, 30,5% một ngày ngủ từ 7 đến 8 tiếng và 11,7% ngủ từ trên 8 tiếng đến 9 tiếng. Như vậy, bình quân một ngày thời gian làm việc và thời gian ngủ của người dân nơi đây mất từ 16 đến 17

tiếng, khoảng thời gian còn lại trong ngày còn khoảng 5 đến 6 tiếng, khoảng thời gian này thường được sử dụng vào những công việc khác như: ăn uống, giải trí, làm công việc gia đình... Với việc sử dụng thời gian như vậy thì có đến 93,3% số người được hỏi trả lời có sự khác biệt trong sử dụng thời gian hiện nay so với khi còn là xã. Nguyên nhân quan trọng và ảnh hưởng trực tiếp đến sự thay đổi trong việc sử dụng thời gian của người dân vùng chuyển đổi phải kể đến đó là sự biến đổi trong cơ cấu nghề nghiệp.

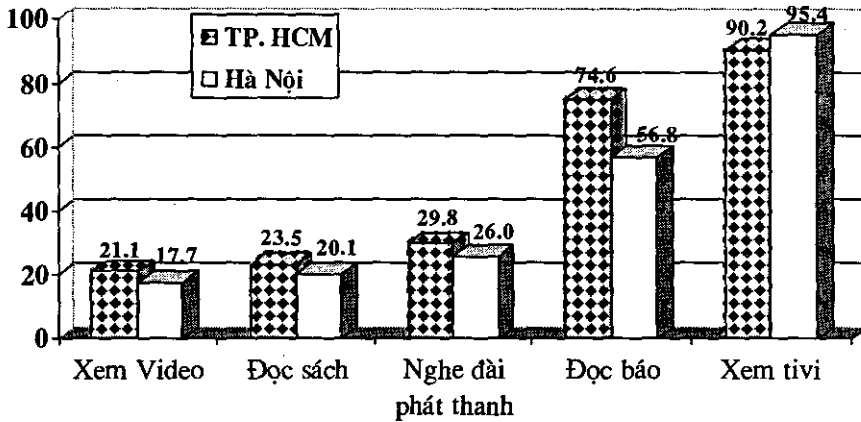
Việc sử dụng thời gian nhàn rỗi phần nào thể hiện sự khác biệt giữa lối sống đô thị và lối sống nông thôn. Kinh tế gia đình, môi trường sống là hai điều kiện chính quyết định việc sử dụng thời gian rỗi của các tầng lớp dân cư. Giữa người dân nông thôn và thành thị có sự khác nhau trong việc sử dụng thời gian nhàn rỗi của mình. Chỉ xem xét việc sử dụng thời gian nhàn rỗi của người dân vào giải trí thông qua truyền thông giữa nông thôn và thành thị đã thấy có sự khác biệt rõ nét.

Biểu đồ 1: Mức độ sử dụng thời gian nhàn rỗi của người dân nông thôn thông qua giải trí với truyền thông



Nguồn: Theo kết quả điều tra đề tài KX05.02, sách "Đời sống văn hoá ở nông thôn đồng bằng sông Hồng và sông Cửu Long", Nxb. Văn hoá - Thông tin, Hà Nội 2005, tr.135.

Biểu đồ 2: Mức độ sử dụng thời gian nhàn rỗi của người dân đô thị thông qua giải trí với truyền thông (mức độ thường xuyên hàng ngày)

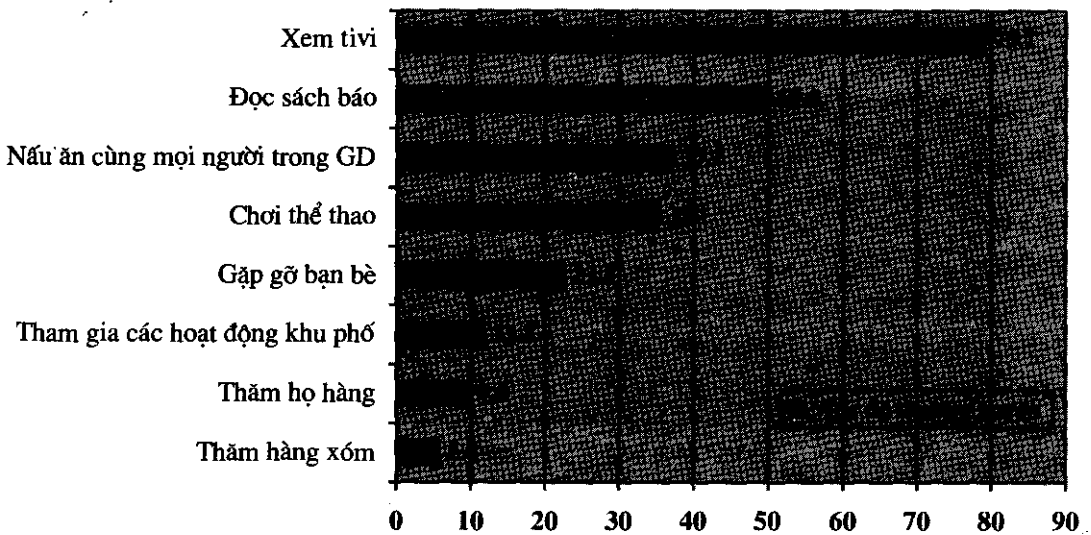


Nguồn: Theo kết quả điều tra đề tài KX.05.03, sách “Đời sống văn hoá đô thị và khu công nghiệp Việt Nam”, Nxb. Văn hoá - Thông tin, Hà Nội 2005, tr.120.

So sánh giữa Biểu đồ 1 và Biểu đồ 2, chúng ta có thể nhận thấy sự khác biệt cơ bản giữa những người sống ở nông thôn và thành thị khi dùng thời gian nhàn rỗi vào việc giải trí thông qua kênh truyền thông. Không so

sánh mức độ đọc sách báo giữa nông thôn và thành thị (vì điều kiện người dân nông thôn tiếp cận được chưa cao), mà chỉ so sánh giữa việc giải trí thông qua xem tivi, thì chúng ta cũng thấy được sự khác biệt cơ bản.

Biểu đồ 3: Mức độ sử dụng thời gian nhàn rỗi (thường xuyên) của người dân vùng chuyển đổi



Sử dụng thời gian nhàn rỗi vào việc giải trí qua kênh truyền thông của những người tham gia trả lời tại địa bàn khảo sát của chúng tôi, có mức độ gần giống với kết quả điều tra của đề tài KX.05.03 khảo sát tại Hà Nội. Kết quả điều tra cho thấy người dân nơi đây dường như đang có những thay đổi trong hình thức sử dụng quỹ thời gian rỗi của mình.

Ngoài thời gian rỗi hàng ngày thì những ngày nghỉ cũng là khoảng thời gian hết sức quý báu đối với mỗi con người. Sau những ngày làm việc căng thẳng được nghỉ ngơi ở nhà vẫn là sự lựa chọn “thường xuyên” của nhiều người dân (49,3%). Hình thức giải trí sau những ngày nghỉ bằng cách thường xuyên đi công viên, đến rạp chiếu phim, nghe ca nhạc... được 28,0% những người tham gia trả lời lựa chọn. Ngoài ra, những việc làm khác như đi thăm họ hàng, chơi thể thao, gặp gỡ bạn bè, đi chơi xa cũng được gần 1/4 những người tham gia trả lời cho rằng họ “thường xuyên” làm vào những ngày nghỉ, ngày lễ. Rất ít người trả lời (4,0% và 5,3%) thường xuyên tham gia vào các hoạt động của tổ dân phố hay sang thăm hàng xóm vào những ngày nghỉ, ngày lễ. Việc sử dụng thời gian nhàn rỗi hàng ngày và những hoạt động thường xuyên làm vào ngày nghỉ của người dân ở đây chịu sự ảnh hưởng của yếu tố giới, nghề nghiệp và khoảng tuổi. Bên cạnh đó, việc sử dụng thời gian rỗi còn chịu ảnh hưởng của yếu tố kinh tế gia đình. Bởi lẽ, một số hoạt động người dân muốn tham gia phải bỏ ra một khoản tiền mới có thể thực hiện được, chẳng hạn, việc đến rạp chiếu phim, xem ca nhạc, đi chơi xa, hay thậm chí cả việc chơi thể thao.

Qua xem xét việc sử dụng thời gian rỗi và những ngày nghỉ của người dân nơi đây cho thấy đô thị hoá đã ít nhiều có những tác động làm thay đổi việc sử dụng thời gian nhàn rỗi của người dân.

3. Một số vấn đề nảy sinh trong vùng chuyển đổi

Bên cạnh những thay đổi trong quan hệ ứng xử, sử dụng quỹ thời gian của người dân như đã nêu ở trên, quá trình chuyển đổi từ xã lên phường còn dẫn đến những biến đổi ở nhiều mặt khác nhau trong đời sống xã hội. Các vấn đề xã hội nảy sinh như thất nghiệp, tệ nạn xã hội, ô nhiễm môi trường..., là mặt trái của quá trình đô thị hoá. Hầu hết quá trình đô thị hoá của chúng ta diễn ra một cách tự phát, do đó chưa có sự chuẩn bị tốt về cơ sở hạ tầng, về sự chuyển dịch cơ cấu lao động, hoặc nếu có thì cũng chưa đáp ứng được đầy đủ những yêu cầu của một đô thị. Bên cạnh đó là sự hoà nhập và thay đổi trong lối sống của người dân vùng chuyển đổi là chưa cao. Do đó, đô thị hoá thường dẫn đến hàng loạt các vấn đề xã hội nảy sinh.

Không có sự chuẩn bị tốt trong việc chuyển dịch cơ cấu lao động trong những vùng chuyển đổi từ xã lên phường đã làm cho nhiều cá nhân, nhiều gia đình lúng túng trong việc chuyển đổi nghề nghiệp và lựa chọn nghề nghiệp mới. Sự lúng túng của người dân bắt nguồn từ nhiều nguyên nhân trong đó phải kể đến việc họ không nhận được sự định hướng về nghề nghiệp từ một tổ chức nào trước khi chuyển đổi. Điều này đã làm cho người dân vùng chuyển đổi không tìm được cho mình một nghề cụ thể, hoặc không có đủ điều kiện để đáp ứng những đòi hỏi của công việc mới mà quá trình đô thị hoá

mang đến. Nhiều hộ gia đình nằm trong vùng chuyển đổi “tự nhiên” trở lên giàu có nhờ vào việc bán đất hay được nhận một khoản tiền đền bù từ một dự án quy hoạch nào đó nằm trên đất thổ cư hoặc đất canh tác của gia đình. Số tiền này nhiều hộ gia đình đã sử dụng vào việc xây nhà, mua xe máy hay mua sắm tiện nghi đắt tiền. Họ đã quên một điều rằng khi chia tay với đồng ruộng cũng có nghĩa là họ không còn nghề nghiệp. Và điều họ cần làm là tạo dựng cho mình, cho các thành viên trong gia đình một nghề nghiệp mới.

Vùng đô thị hoá thường là nơi nhạy cảm với những vấn đề xã hội, là nơi diễn ra những thay đổi về hệ giá trị. Do đó, nếu không có sự định hướng đúng đắn của mỗi con người, mỗi gia đình sẽ dẫn đến những sai lệch trong định hướng giá trị. Điều này dễ dẫn đến sự gia tăng của những vấn đề xã hội tại các vùng đô thị hoá.

Kết luận

Qua kết quả nghiên cứu, chúng tôi có thể khái quát những nét thay đổi trong đời sống xã hội tại vùng chuyển đổi từ xã lên phường như sau:

- Có những thay đổi trong hệ thống giá trị, chuẩn mực, lối sống của người dân thể hiện qua các quan hệ xã hội, quan hệ cộng đồng và quan hệ gia đình. Các quan hệ hàng xóm láng giềng diễn ra theo

chiều hướng tôn trọng quyền riêng tư cá nhân. Các mối quan hệ trong gia đình cũng có những thay đổi nhất định.

- Đã có những thay đổi trong việc sử dụng quỹ thời gian của người dân vùng chuyển đổi, đặc biệt là việc sử dụng thời gian nhàn rỗi. Có sự khác biệt giữa mức sống gia đình với việc tiếp cận với các dịch vụ vui chơi giải trí của người dân nơi đây.

- Cơ cấu nghề nghiệp thay đổi đã làm thay đổi mức thu nhập của người dân và cũng chính điều này tác động đến sự biến đổi trong lối sống của người dân vùng chuyển đổi.

- Có sự lúng túng của nhiều cá nhân, gia đình trong định hướng cũng như tìm việc làm khi quá trình đô thị hoá diễn ra. Điều này đã dẫn đến tình trạng thất nghiệp tại những vùng này còn khá cao.

- Thất nghiệp, không có sự định hướng đúng đắn trong hệ giá trị mới, là nguyên nhân làm gia tăng các tệ nạn xã hội tại các vùng chuyển đổi hiện nay.

Tài liệu tham khảo

1. Phan Hồng Giang, *Đời sống văn hoá ở nông thôn đồng bằng sông hồng và sông Cửu Long*, Nxb. Văn hoá - Thông tin, Hà Nội 2005.

2. Đình Quang, *Đời sống văn hoá đô thị và khu công nghiệp Việt Nam*, Nxb. Văn hoá - Thông tin, Hà Nội 2005.